

DIBELSTM

Vietnamese Translations of Administration Directions

Note: These translations can be used with students having limited English proficiency and who would be able to understand the DIBELS tasks better if the directions were provided in Vietnamese.

IMPORTANT: Student responses are scored based on scoring of English language responses provided in DIBELS training because the ultimate goal for all Florida students is to be successful in early literacy skills in English.

Letter Naming Fluency

Say these specific directions to the student:

Here are some letters (point). Tell me the names of as many letters as you can. When I say “begin,” start here (point to first letter), and go across the page (point). Point to each letter and tell me the name of that letter. If you come to a letter you don’t know, I’ll tell it to you. Put your finger on the first letter. Ready, begin.

Ở đây có một vài chữ cái (point). Hãy đọc cho tôi nghe hết các chữ cái mà em có thể đọc. Khi tôi nói “bắt đầu”, thì hãy khởi đầu từ đây (point to the first letter), và đọc cả trang giấy (point). Chỉ vào từng chữ cái và cho tôi đọc chữ cái này. Nếu gặp phải chữ cái mà em không biết, tôi sẽ đọc cho em biết. Hãy đặt ngón tay của em vào chữ cái đầu tiên. Chuẩn bị, bắt đầu.

If the student provides the letter sounds rather than the letter name say,

*Remember to tell me the letter name, not the sound it makes.
Nhớ chỉ đọc cho tôi nghe từng chữ cái, chứ không phải âm của nó.*

At the end of 1 minute, place a bracket (]) after the last letter named and say,

*Stop.
Ngưng lại.*

3 second rule. If the student hesitates for 3 seconds on a letter, score the letter incorrect, provide the correct letter, point to the next letter, and say,

*What letter?
Đây là chữ cái gì?*

Initial Sounds Fluency

Say these specific directions to the student:

This is mouse, flowers, pillow, letters. (point to each picture while saying its name)

Mouse (point to mouse) *begins with the sound /m/. Listen, /m/ mouse. Which one begins with the sounds /f/?*

Chữ này là mouse, flowers, pillow, letters (point to each picture while saying its name).

Mouse (point to mouse) ***bắt đầu bằng âm /m/. Hãy lắng nghe /m/ mouse. Hình nào bắt đầu bằng âm /f/?***

| | |
|--|--|
| <p>CORRECT RESPONSE: Student points to flowers, you say,</p> | <p>INCORRECT RESPONSE: If student gives any other response, you say,</p> |
| <p><i>Good. Flowers begins with the sounds /f/.</i></p> | <p><i>Flowers</i> (point to flowers) <i>begins with the sounds /f/. Listen, /f/, flowers. Let's try it again. Which one begins with the sounds /f/?</i></p> |
| <p><i>Giỏi. Flowers bắt đầu bằng âm /f/.</i></p> | <p><i>Flowers</i> (point to flowers) <i>bắt đầu bằng âm /f/. Hãy lắng nghe, /f/, flowers. Nào, hãy thử lại lần nữa. Hình nào bắt đầu bằng âm /f/?</i></p> |

Pillow (point to pillow) *begins with the sound /p/. Listen, /p/, pillow. What sound does letters* (point to letters) *begin with?*

Pillow (point to pillow) ***bắt đầu bằng âm /p/. Hãy lắng nghe, /p/, pillow. Letters*** (point to letters) ***bắt đầu bằng âm nào?***

| | |
|---|--|
| <p>CORRECT RESPONSE: Student says /l/, you say,</p> | <p>INCORRECT RESPONSE: If student gives any other response, you say,</p> |
| <p><i>Good. Letters begins with the sound /l/.</i></p> | <p><i>Letters (point to letters) begins with the sound /l/. Listen, /l/, letters. Let's try it again. What sound does letters (point to letters) begin with?</i></p> |
| <p><i>Giỏi. Letters bắt đầu bằng âm /l/.</i></p> | <p><i>Letters (point to letters) bắt đầu bằng âm /l/. Hãy lắng nghe, /l/, letters. Nào, hãy thử lại lần nữa. Letters (point to letters)) bắt đầu bằng âm nào?</i></p> |

Here are some more pictures. Listen carefully to the words.

Đây là một số hình. Hãy chăm chú lắng nghe các từ.

Prompting Rule. If a child has done the examples correctly and does not answer the questions correctly, say,

Remember to tell me a picture that begins with the sound (repeat stimulus sound).

Nhớ cho tôi biết hình ảnh nào bắt đầu bằng âm (repeat stimulus sound).

This prompt can be given once.

Format—give English words when presenting the labels for the pictures. For example, say,

This is pie, letter, flower and mouse. Which picture begins with /p/?

Đây là pie, letter, flower, và mouse. Hình nào bắt đầu bằng âm /p/?

What sound does “clock” begin with?

Từ “clock” bắt đầu bằng âm nào?

Phoneme Segmentation Fluency

Say these specific directions to the student (saying each stimulus word in English):

I am going to say a word. After I say it, you tell me all the sounds in the word. So, if I say, “sam,” you would say /s/ /a/ /m/. Let’s try one. (one second pause) Tell me the sounds in “mop.”

Tôi sẽ nói một từ. Sau khi tôi nói xong, em hãy nói cho tôi biết rằng có tất cả bao nhiêu âm ở trong từ này. Thí dụ, nếu tôi nói “sam” thì em sẽ nói /s/ /a/ /m/. Nào, hãy thử một lần nhé. (one second pause) Hãy nói cho tôi biết rằng có những âm nào trong từ “mop”.

| | |
|---|---|
| CORRECT RESPONSE: If student says, /m/ /o/ /p/, you say | INCORRECT RESPONSE: If student gives any other response, you say, |
| <i>Very good. The sounds in “mop” are /m/ /o/ /p/.</i> | <i>The sounds in “mop” are /m/ /o/ /p/. Your turn. Tell me the sounds in “mop.”</i> |
| <i>Rất giỏi. Các âm trong từ “mop” đúng là /m/ /o/ /p/.</i> | <i>Các âm trong từ “mop” là /m/ /o/ /p/. Bây giờ đến phiên em. Hãy nói cho tôi biết có những âm nào trong từ “mop”.</i> |

OK. Here is your first word.

Tốt. Đây là từ đầu tiên.

Nonsense Word Fluency

Say these specific directions to the student:

Look at this word (point to the first word on the practice probe). **It's a make-believe word. Watch me read the word:** /s/ /i/ /m/ “sim” (point to each letter then run your finger fast beneath the whole word). **I can say the sounds of the letters,** /s/ /i/ /m/ (point to each letter), **or I can read the whole word “sim”** (run your finger fast beneath the whole word).

Your turn to read a make-believe word. Read this word the best you can (point to the word “lut”). **Make sure you say any sounds you know.**

Hãy nhìn từ này (point to the first word on the practice probe). **Nó là một từ vô nghĩa. Hãy xem tôi đọc từ này:** /s/ /i/ /m/ “sim” (point to each letter then run your finger fast beneath the whole word). **Tôi có thể đọc theo âm của các chữ cái,** /s/ /i/ /m/ (point to each letter), **hoặc đọc cả từ, “sim”** (run your finger fast beneath the whole word).

Đến lượt em đọc một từ vô nghĩa. Cố gắng đọc từ này thật đúng theo hết khả năng của em (point to the word “lut”). **Phải chú ý để đọc được mọi âm nào em biết.**

| | |
|--|---|
| <p>CORRECT RESPONSE: If the child responds “lut” or with all of the sounds, say</p> | <p>INCORRECT OR NO RESPONSE: If the child does not respond within 3 seconds or responds incorrectly, say</p> |
| <p>That’s right. The sounds are /l/ /u/ /t/ or “lut.”</p> <p>Đúng rồi. Các âm là /l/ /u/ /t/ hoặc “lut.”</p> | <p>Remember, you can say the sounds or you can say the whole word. Watch me: The sounds are /l/ /u/ /t/ (point to each letter) or “lut” (run your finger fast through the whole word). Let’s try again. Read this word the best you can (point to the word “lut”).</p> <p>Nên nhớ, em có thể nói các âm của từ hoặc đọc cả từ này. Hãy xem tôi (thầy/cô) đọc: các âm này là /l/ /u/ /t/ (point to each letter) hoặc “lut” (run your finger fast through the whole word). Nào, hãy thử lại lần nữa. Cố gắng đọc từ này thật tốt với hết khả năng của em (point to the word “lut”).</p> |

Place the student copy of the probe in front of the child.

Here are some more make-believe words (point to the student probe). **Start here** (point to the first word) **and go across the page** (point across the page). **When I say, “begin “, read the words the best**

you can. Point to each letter and tell me the sound or read the whole word. Read the words the best you can. Put your finger on the first word. Ready, begin.

Đây là một số từ vô nghĩa (point to the student probe). Khởi đầu từ đây (point to the first word) và hết trang giấy (point across the page). Khi tôi nói, “bắt đầu“, cố gắng đọc từ này thật đúng theo hết khả năng của em. Hãy chỉ vào từng chữ cái và nói cho tôi biết âm của nó hoặc đọc cả từ. Cố gắng đọc những từ này thật đúng theo hết khả năng của em. Hãy đặt ngón tay của em vào từ đầu tiên. Chuẩn bị, bắt đầu.

At the end of 1 minute, place a bracket (]) after the last letter sound provided by the student and say, ***Stop.***

Ngưng lại.

3 second rule—sound by sound. If the student is providing individual letter sounds and hesitates for 3 seconds on a letter sound, score the letter sound incorrect, provide the correct letter sound, point to the next letter and say,

What sound?

Đây là âm gì?

3 second rule—word by word. If the student is reading words and hesitates for 3 seconds word, score the word incorrect, provide the correct word, point to the next word, and say,

What word?

Đây là từ gì?

Oral Reading Fluency

Say these specific directions to the student:

When I say begin start reading aloud at the top of the page (point). Read across the page (point). Try to read each word. If you come to a word you don't know, I'll tell it to you. Be sure to do your best reading. Ready, begin.

Khi tôi nói bắt đầu, thì em bắt đầu đọc lớn lên kể từ phần đầu của trang giấy (point). Đọc hết cả trang giấy này (point). Hãy cố gắng đọc từng từ. Nếu gặp phải từ mà em không biết, tôi sẽ nói cho em biết. Phải chú ý để đọc thật đúng. Chuẩn bị, bắt đầu.

At the end of 1 minute, place a bracket (]) after the last word provided by the student and say,

Stop.

Ngưng lại.